

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 73/TTr-BQL ngày 08 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

Điều 3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC^(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 04 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 868/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường										
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) 1.010733.H21	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: + Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm I	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	Có	Một phần	- Phí thẩm định theo tại Điều 9 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Thời điểm thu phí: Phí được thu trong quá trình giải quyết TTHC.	- Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; + Tối đa là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; + Tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý						của Chính phủ (Điều 27); - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Khoản 9 Điều 1); - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (Điều 6,7,8 và 9); - Phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		kiến. + Thời hạn thẩm định quy định có thể được kéo dài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. - Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định. - Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.						- Phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Điều 4 và Phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định số		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								3263/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; - Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		
2	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) 1.010727.H21	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:	Có	Một phần	- Phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	- Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn,	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Điều 39, 40, 41, 42, 43, 45); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ	http://dichvucong.gov.vn hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			- Thời điểm thu phí: Phí được thu trong quá trình giải quyết TTHC.	mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	trường số 146/2025/QH1 5 (Khoản 9, 10, 11, 12, 13 Điều 1); - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Điều 28, 29); - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Khoản 10, 11 Điều 1); - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (Điều 36); - Thông tư số		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.						02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 18, 19); - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Khoản 5, 6 Điều 1); - Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 9, 10, 12); - Nghị quyết		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) 1.010729.H21	Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucon.g.gov.vn hoặc ứng dụng định danh quốc gia.	-	Một phần	- Phí thẩm định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng	- Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Mẫu đơn,	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
						nhân dân tỉnh. - Thời điểm thu phí: Phí được thu trong quá trình giải quyết TTHC.	mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	nghiệp và môi trường số 146/2025/QH1 5 (Khoản 9, 10, 11, 12, 13 Điều 1); - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Điều 28, 29, 30); - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Khoản 10, 11, 12 Điều 1); - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								(Điều 36); - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 18, 19); - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Khoản 5, 6 Điều 1); - Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 9, 10, 11,		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								12); - Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;		
4	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) 1.010730.H21	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười	- Trục tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn hoặc ứng dụng định danh quốc gia: đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng	Có	Một phần	- Phí thẩm định cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày	- Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC;	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45); - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả	phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư). - Các trường hợp còn lại: + Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. + Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn hoặc ứng dụng định danh quốc gia.			27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Thời điểm thu phí: Phí được thu trong quá trình giải quyết TTHC.	- Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 (Khoản 9, 10, 11, 12, 13 Điều 1); - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Điều 28, 29, 30); - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Khoản 10, 11, 12 Điều 1); - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
		kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.						29/01/2026 của Chính phủ (Điều 36); - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 18, 19); - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Khoản 5, 6 Điều 1); - Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã TTHC									
								Môi trường (Điều 9, 10, 11, 12); - Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; - Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.		
Tổng cộng: 04 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC				
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
1	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) 1.010728.000.00.00.H21	Toàn trình	Cấp tỉnh	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.	Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 29/8/2025
Tổng cộng: 01 TTHC					